

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 164/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 9 - 2020

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Mười.

Bà Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 626/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Hẻm 141, đường NT, khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Số 310, đường NTN, khóm N, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Lương Thế H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 141, đường NT, khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thị P trình bày:

Bà Lê Thị P và ông Lương Thế H sống chung vào năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do ông H thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập, chửi vợ con. Bà đã từng nộp đơn xin ly hôn và rút đơn về để cho ông H cơ hội sửa chữa nhưng ông H không thay đổi mà còn nhậu nhiều hơn và thường xuyên đánh đập bà. Nay bà xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng quá lớn không thể hàn gắn, hiện nay bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với anh ông H.

Về con chung: Bà P xác định có 01 người con chung tên Lương Hồng N, sinh năm 2001. Hiện nay cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.

Đối với ông Lương Thế H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cả hai đương sự đều đang cư trú tại thành phố C nên vụ án được các định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Ông Lương Thế H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Lương Thế H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của bà P và ông H là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà P cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H không lo làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập bà, khiến cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mặc dù bà đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Bà khẳng định không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân là mối quan hệ mà cả hai phải cùng có trách nhiệm và tinh thần xây dựng, thông cảm, chia sẻ lẫn nhau nhưng hiện nay bà P xác định đã không còn tình cảm với ông H và không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa. Mặc dù Tòa án đã động viên bà P nhưng bà không thay đổi ý kiến và thể hiện ý chí cho dù Hội đồng xét xử có không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì bà cũng không tiếp tục chung sống với ông H. Ông H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H hiện nay không thể hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho bà P được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà P xác định có 01 người con chung Lương Hồng N, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình bà P phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị P được ly hôn với ông Lương Thế H.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lương Hồng N, sinh năm 2001.

Hiện nay cháu N đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Lê Thị P phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 26/6/2020, bà P đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002056 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lương Thế H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 9, Tp cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Huyền Trân

